

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DSST

Ngày: 27-03-2023

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Ngọc Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 643/2022/TLST-DS, ngày 14/06/2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-DS, ngày 01/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2023/QĐST-DS ngày 13/3/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn CM. Địa chỉ: Khu C, khu công nghiệp Sa Đ, phường Tân Quy Đ, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Th. *Người đại diện:* Ông *Phạm Minh Th* - chức vụ: *Giám đốc*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh Th là anh Nguyễn Cao H, sinh năm 1994; Địa chỉ: số 21, Quốc lộ 30 Phường Mỹ Ph, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Th. Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp K, xã H H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp K, xã H H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/03/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09 tháng 09 năm 2022 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân

dân huyện Tiểu Cần người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Cao H trình bày:

Vào ngày 31/7/2017 chị Trần Thị Nh với Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn CM (tại phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án sẽ được gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng mua bán thức ăn gia súc số: 93/2017/HĐMB đến ngày 06/12/2017 và ngày 08/3/2018 chị Trần Thị Nh và chồng chị Nh là anh Trần Văn T có ký vào biên bản xác nhận công nợ còn nợ lại Công ty số tiền gốc bằng 37.092.931 đồng nhưng từ thời gian ký công nợ đến nay chị Nh và anh T không thanh toán nợ cho Công ty lần nào mặc dù Công ty nhiều lần nhắc nhở.

Nay Công ty yêu cầu chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ còn thiếu vốn gốc bằng 37.092.931 đồng và yêu cầu trả lãi 10%/năm tính từ ngày 01/11/2017 đến ngày 09/9/2022 bằng 18.018.020 đồng, tổng cộng vốn và lãi bằng 55.110.951 đồng. Đồng thời Công ty yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 Hợp đồng mua bán thức ăn gia súc số: 93/2017/HĐMB ngày 31/7/2017 (Có đối chiếu bản gốc); 01 biên bản đối chiếu công nợ ngày 06/12/2017 và 01 biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/3/2018 (có đối chiếu bản gốc); 01 chứng minh nhân dân mang tên anh Nguyễn Cao H (bản phô tô); 01 giấy ủy quyền (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (có công chứng)

Đối với bị đơn chị Trần Thị Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các thủ tục như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc sao chụp, gửi tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp và yêu cầu giải trình chứng cứ, đơn khởi kiện, Thông báo yêu cầu đương sự làm đơn phản tố, đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và Quyết định đưa vụ án ra xét xử: lần 1 vào ngày 13/03/2023; lần 2 vào ngày 27/03/2023 nhưng chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn CM khởi kiện bị đơn chị Trần Thị Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T về tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán;

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có địa chỉ cư trú tại Ấp K, xã H H, huyện TC tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện: Do Công ty nộp đơn khởi kiện vào ngày 04/3/2021 và lúc này tình hình dịch CoVid -19 diễn ra phức tạp, giãn cách xã hội Công ty không thể tiếp xúc trực tiếp được với Tòa án nên đến ngày 14 tháng 6 năm 2022 Công ty mới liên hệ để nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần thụ lý vụ án.

Chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua thức ăn từ ngày 08/3/2021 (lần đối chiếu công nợ sau cùng) nên ngày 04/3/2021 Công ty nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đúng quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt Công ty.

Bị đơn chị Trần Thị Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ 02 nhưng chị Nh và anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh T theo qui định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Cỏ M và chị Trần Thị Nh có ký hợp đồng mua bán thức ăn gia súc số: 93/2017/HĐMB ngày 31/7/2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 31/12/2017 giữa Công ty và chị Nh có ký hợp đồng mua bán thức ăn gia súc số: 93/2017/HĐMB. Theo đó, chị Nh và anh T có ký vào Biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 06/12/2017 và ngày 08/3/2018 còn nợ lại Công ty số tiền mua thức ăn vốn gốc bằng 37.092.931 đồng. Đây là tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Việc giao dịch mua bán giữa Công ty và chị Nh, anh T có lập thành văn bản và có đối chiếu công nợ với nhau nên Công ty yêu cầu chị Nh và anh T trả vốn bằng 37.092.931 đồng và yêu cầu trả lãi 10%/ năm tính từ ngày 01/11/2017 đến, ngày 09/9/2022 bằng 18.018.020 đồng. Tổng cộng vốn và lãi bằng 55.110.951 đồng. Đồng thời Công ty yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa đúng theo qui định của pháp luật, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận 01 phần.

[6] Xét yêu cầu lãi suất và mức lãi suất: Xét thấy trong thời gian hai bên ký hợp đồng mua bán thức ăn giữa chị Nh và Công ty không có ghi lãi suất trong hợp đồng nhưng do chị Nh và anh T chậm thanh toán tiền mua thức ăn cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Công ty chỉ yêu cầu chị Nh và anh T trả lãi là 10%/năm là đúng theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tuy nhiên Công ty chỉ được tính lãi từ ngày đối chiếu công nợ lần sau cùng là ngày 08/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tiền lãi tính từ ngày 08/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 27/3/2023) là 60 tháng 19 ngày x 0,833 %/tháng bằng 18.731.721 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T phải thanh toán cho

Cơng ty số nợ gốc 1 37.092.931 ồng và lãi bằng 18.731.721 ồng. Tổng cộng bằng 55.824.652 ồng.

[8] Về án phí: Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn CM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Trần Thị Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 429, 430, 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Cỏ M.

Buộc chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn CM với số tiền bằng 55.824.652 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng). (Trong đó tiền gốc là 37.092.931 đồng và lãi bằng 18.731.721 đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn T phải nộp 2.791.232 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn CM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Cỏ M số tiền tạm ứng án phí bằng 1.377.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0011415 ngày 14/06/2022 và số: 0002926 ngày 21/09/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Ngoan